

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 8 năm 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Ông Nguyễn Văn Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã B, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang tạm trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn M ngày 02 tháng 7 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Sông Lô. Tổ chức cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh M ngay, sau đó vợ chồng cùng đi làm ăn kinh tế tại Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống không được hoà thuận, nguyên nhân anh M thường hay chửi mắng, đánh đập chị mỗi khi anh say rượu. Chị xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2013. Trong thời

gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm cũng như thăm hỏi đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa giải để về sống đoàn tụ với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Minh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thu Ph, sinh ngày 14/4/2011 và Phạm Huyền Tr, sinh ngày 31/12/2012. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị. Chị xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân anh M cũng không quan tâm và không có trách nhiệm với các con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH SAMSUNG ELECTRONICS Việt Nam Thái Nguyên thu nhập ổn định hàng tháng là khoảng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn M đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Anh M cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh M cũng vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh M), tiến hành xác minh tại UBND xã B tiến hành làm việc với trưởng thôn A đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị T là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, anh M đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T đề nghị giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn M.

Về nuôi con chung: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn M đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Phạm Văn M vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn M kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị Tuyền không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh M thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị mỗi khi anh say rượu, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2013. Do vậy chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh M và đề nghị giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh M) thể hiện vợ chồng anh chị T đã ly thân từ lâu. Hiện nay anh M đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về nhà. Bà là người nhận thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản và các giấy triệu tập của Tòa án và bà đã thông báo cho anh M được biết về nội dung các văn bản bà đã nhận. Tòa án đã làm việc với trưởng thôn A, tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B đều thể hiện anh M đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương, quá trình vợ chồng anh M và chị T chung sống có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2013. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh M không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ tình cảm giữa vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh M biết việc mình được Tòa án triệu tập để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh M cố tình gây khó khăn cho chị T và

không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh M có hai con chung là Phạm Thu Ph, sinh ngày 14/4/2011 và Phạm Huyền Tr, sinh ngày 31/12/2012. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Minh phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị T thấy rằng hiện nay chị T đang làm công nhân tại công ty TNHH SAMSUNG ELECTRONICS Việt Nam Thái Nguyên và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung. Cháu Ph cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ và hiện nay hai con đang ở cùng chị T từ khi vợ chồng sống ly thân. Để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của các con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tuyền được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M.
2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là Phạm Thu Ph, sinh ngày 14/4/2011 và Phạm Huyền Tr, sinh ngày 31/12/2012. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004695 ngày 26/3/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khương Đặng Khánh Hằng

